

CÔNG TY CỔ PHẦN NIHON TECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NIHON TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NIHON TECH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NIHON TECH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107639889

3. Ngày thành lập: 18/11/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3, D9-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Sân vận động, sân bóng đá, bóng chày, Bể bơi	9311
2.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức, xúc tiến quản lý các sự kiện, triển lãm, giới thiệu, hội nghị	8230
3.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
4.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
5.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
6.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
13.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, Cho thuê các thiết bị, phương tiện giải trí;	9329
14.	Điều hành tua du lịch	7912
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học	3312
20.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị viễn thông, điện tử, tin học	3320
21.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
22.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
23.	Đại lý du lịch	7911
24.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
26.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;	5221
29.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công trình đường ống, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông, xử lý nước thải	4220
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn vật liệu điện và thiết bị điện - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị khác để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	4659

31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	In ấn	1811
36.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
39.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
40.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
41.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
42.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
43.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
44.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
45.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
46.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
47.	Chăn nuôi lợn	0145
48.	Phá dỡ	4311
49.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
50.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
51.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
52.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
53.	Quảng cáo	7310
54.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: Hoạt động thể thao biển	9319
55.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
56.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
58.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
60.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
61.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
62.	Sản xuất sản phẩm từ plastic chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa	2220(Chính)
63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bao bì	4669
64.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
66.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
67.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
68.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
69.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
70.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
72.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
73.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
74.	Chăn nuôi khác Chi tiết: Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà,	0149
75.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
76.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
77.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
78.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
79.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
80.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
81.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
82.	Khai thác gỗ	0221
83.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
84.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
85.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
86.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề	8532
87.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
88.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn môi trường và dịch vụ chuyên giao công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học	7490
89.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
90.	Lập trình máy vi tính	6201
91.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

92.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát tư vấn, thiết kế các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông; Xác định tình trạng kỹ thuật thiết bị viễn thông, tin học và điện tử; Tư vấn, khảo sát lập dự án đầu tư, thẩm định dự án, dự toán công trình	7110
93.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
94.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
95.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: khai thác khoáng sản;	0899
96.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;	5510
97.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
98.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
99.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ hạt nhựa, bao bì	4773
100.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm Dịch vụ tích hợp hệ thống Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm Tư vấn, trợ giúp khách hàng lắp đặt sản phẩm phần cứng Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành sản phẩm phần cứng	6209
101.	Xây dựng nhà các loại	4100
102.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
103.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn chế phẩm vệ sinh; dụng cụ y tế, vật tư y tế tiêu hao	4649
104.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ VĂN NGHĨA	P.12A6 CT4-A1 KĐT mới Tây Nam, Hồ Linh Đàm, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	495.000	4.950.000.000	33,000	019078000148	
			Tổng số	495.000	4.950.000.000	33,000		
2	TA THANH HÙNG	P501B- C3, Tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	495.000	4.950.000.000	33,000	013083457	
			Tổng số	495.000	4.950.000.000	33,000		
3	TRINH THÀNH TRUNG	Số nhà 7, tổ 42, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	510.000	5.100.000.000	34,000	013605573	
			Tổng số	510.000	5.100.000.000	34,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 112476859

Ngày cấp: 18/01/2014

Nơi cấp: CATP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Nội, Xã Phú Kim, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Nội, Xã Phú Kim, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội